

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ: I - NĂM HỌC: 2026-2027
(KHÓA K21 - CẬP NHẬT)

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
1	OSH331	3	An toàn, vệ sinh lao động_01 (KHQL 21)	Chu Thị Hồng Huyền	17/08/2026-13/09/2026	4					7,8,9, 10	A2. P104								
				Chu Thị Hồng Huyền	14/09/2026-08/11/2026	8					7,8,9, 10	A7. P302								
2	INE331	3	Bất đẳng thức_01 (Toán 21)	Nguyễn Song Hà	17/08/2026-30/08/2026	2											1,2,3, 4,5	A2. P203		
				Nguyễn Song Hà	17/08/2026-08/11/2026	12								7,8,9	A2. P102					
3	CTR231	3	Biên dịch tiếng Trung_11 (AT 21)	Nguyễn Thúy Quỳnh	17/08/2026-08/11/2026	12											2,3,4,5	C2		
4	MOD341	4	Chẩn đoán phân tử_01 (CNSH 21)	Trương A Tài	17/08/2026-13/09/2026	4					1,2,3, 4,5	A3. P504								
				Trương A Tài	17/08/2026-08/11/2026	12			1,2,3, 4,5	PTN										
				Trương A Tài	14/09/2026-27/09/2026	2					1,2,3, 4,5	A7. P201								
5	PES331	3	Chi trả dịch vụ hệ sinh thái_01 (QLTN 21)	Vi Thùy Linh	17/08/2026-13/09/2026	4			1,2,3, 4,5	A2. P203										
				Vi Thùy Linh	14/09/2026-27/09/2026	2			1,2,3, 4,5	Online										
				Vi Thùy Linh	28/09/2026-08/11/2026	6											7,8,9, 10,11	Thực hành 1		

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
6	WEP331	3	Chính sách phúc lợi_01 (KHQL 21)	Nguyễn Thị Linh	17/08/2026-13/09/2026	4	7,8,9, 10	A2. P104												
				Nguyễn Thị Linh	14/09/2026-08/11/2026	8	7,8,9, 10	A7. P302												
7	SUH231	3	Chuyên đề HSK_01 (TQ1 21)	Phan Thị Huế	17/08/2026-25/10/2026	10	7,8,9	C5												
				Phan Thị Huế	17/08/2026-27/09/2026	6									7,8,9, 10,11	TTS 06				
8	SUH231	3	Chuyên đề HSK_02 (TQ2 21)	Phan Thị Huế	17/08/2026-25/10/2026	10					10,11,12	C6								
				Phan Thị Huế	17/08/2026-27/09/2026	6											1,2,3, 4,5	TTS 06		
9	SUH231	3	Chuyên đề HSK_03 (TQ3 21)	Phan Thị Huế	17/08/2026-25/10/2026	10			7,8,9	C8										
				Phan Thị Huế	28/09/2026-08/11/2026	6									1,2,3, 4,5	TTS 06				
10	SUH231	3	Chuyên đề HSK_04 (TQ4 21)	Phan Thị Huế	17/08/2026-25/10/2026	10					7,8,9	C9								
				Phan Thị Huế	28/09/2026-08/11/2026	6											1,2,3, 4,5	TTS 06		
11	SUH231	3	Chuyên đề HSK_05 (TQ5 21)	Phan Thị Huế	17/08/2026-25/10/2026	10	10,11,12	C5												
				Phan Thị Huế	17/08/2026-27/09/2026	6									1,2,3, 4,5	TTS 06				
12	HSK241	4	Chuyên đề HSK_06 (AT 21)	Hoàng Kiều Trinh	17/08/2026-08/11/2026	12					9,10	C4								
				Hoàng Kiều Trinh		12			9,10,11	C4										

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
13	TAI331	3	Chuyên đề Tin học ứng dụng_01 (TT 21)	Trần Đình Giang	17/08/2026-08/11/2026	12	7,8,9, 10	A3. P203												
14	TOT231	3	Chuyên đề Topik_01 (AH 21)	Nguyễn Thị Linh	17/08/2026-08/11/2026	12	10,11	C4												
				Nguyễn Thị Linh		12							7,8	C5						
15	BTM321	2	Công nghệ hóa sinh trong y học_01 (CNSH 21)	Nguyễn Thị Thu Huyền	24/08/2026-25/10/2026	9	1,2,3, 4,5	PTN												
16	MTM331	3	Công nghệ vi sinh trong y học_01 (CNSH 21)	Trịnh Ngọc Hoàng	21/09/2026-01/11/2026	6							1,2,3, 4,5	PTN						
				Trịnh Ngọc Hoàng	28/09/2026-08/11/2026	6					1,2,3, 4,5	A7. P201								
17	WTT231	3	Công nghệ xử lý nước thải_01 (QLTN 21)	Nguyễn Thị Đông	17/08/2026-13/09/2026	4					1,2,3, 4,5	A2. P303								
				Nguyễn Thị Đông	17/08/2026-27/09/2026	6											1,2,3, 4,5	Thực hành 1		
				Nguyễn Thị Đông	14/09/2026-27/09/2026	2					1,2,3, 4,5	A7. P203								
18	UIS331	3	Công tác phục vụ người dùng tin_01 (TV 21)	Lê Thị Quyên	14/09/2026-25/10/2026	6	1,2,3, 4,5	A3. P203												
				Lê Thị Quyên		6					7,8,9, 10,11	TTS 01								
19	GFG331	3	CTXH với người di cư và nạn nhân bị mua bán_01 (CTXH 21)	Nguyễn Hồng Cúc	17/08/2026-25/10/2026	10					7,8,9	C3								
				Nguyễn Hồng Cúc	28/09/2026-08/11/2026	6											1,2,3, 4,5	Thực hành 1		

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
20	SWR331	3	CTXH với người khuyết tật_01 (CTXH 21)	Nguyễn Thị Ngọc Mai	28/09/2026-08/11/2026	6									7,8,9,10,11	A3. P104				
				Nguyễn Thị Ngọc Mai		6											7,8,9,10,11	Thực hành 1		
21	SEP331	3	CTXH với xóa đói giảm nghèo_01 (CTXH 21)	Nguyễn Thị Hồng Trâm	17/08/2026-27/09/2026	6									7,8,9,10,11	A3. P104				
				Nguyễn Thị Hồng Trâm		6													1,2,3,4,5	Thực hành 1
22	TDH331	3	Đào tạo và phát triển nhân lực_01 (KHQL 21)	Nguyễn Thị Kim Phương	17/08/2026-13/09/2026	4			7,8,9,10	A2. P104										
				Nguyễn Thị Kim Phương	14/09/2026-08/11/2026	8			7,8,9,10	A7. P302										
23	GSG341	4	Địa lý kinh tế - xã hội đại cương_01 (sử 21)	Chu Thành Huy	17/08/2026-01/11/2026	11			7,8,9,10	A2. P503										
				Chu Thành Huy		11					9,10,11	A2. P503								
24	TDE332	3	Dịch thuật 2_01 (TAUD 21)	Nguyễn Thị Quế	17/08/2026-08/11/2026	12			7,8	C3										
				Nguyễn Thị Quế		12							7,8	C8						
25	ENT331	3	Dịch thuật tiếng Anh_01 (AT 21)	Nguyễn Thị Quế	17/08/2026-08/11/2026	12					7,8	C4								
				Nguyễn Thị Quế		12									7,8	C4				
26	ENT331	3	Dịch thuật tiếng Anh_02 (AH 21)	Nguyễn Thị Quế	17/08/2026-08/11/2026	12	7,8,9	C4												

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
27	SKH321	2	Đồ án công nghệ hóa học_01 (KTHH 21)	Nguyễn Thị Ngọc Linh	17/08/2026-27/09/2026	6	7,8,9,10,11	PTN												
				Lưu Tuấn Dương	28/09/2026-08/11/2026	6	7,8,9,10,11	PTN												
28	VKT241	4	Đối dịch Việt - Hàn_01 (HQ1 21)	Hồ Thị Ngọc Bích	17/08/2026-08/11/2026	12	9,10,11	C1												
				Hồ Thị Ngọc Bích		12			9,10,11	C1										
29	VKT241	4	Đối dịch Việt - Hàn_02 (HQ2 21)	Hồ Thị Ngọc Bích	17/08/2026-08/11/2026	12						4,5	C3							
				Hồ Thị Ngọc Bích		12								7,8	C2					
				Hồ Thị Ngọc Bích		12	7,8	C2												
30	VKT241	4	Đối dịch Việt - Hàn_03 (AH 21)	Hồ Thị Ngọc Bích	17/08/2026-08/11/2026	12								1,2,3,4	C10					
				Hồ Thị Ngọc Bích		12			7,8	C9										
31	MAC333	3	Giám nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu_01 (QLTN 21)	Nguyễn Thị Bích Hạnh	28/09/2026-08/11/2026	6					1,2,3,4,5	A7. P203								
				Nguyễn Thị Bích Hạnh		6										1,2,3,4,5	Thực hành 1			
32	CGE941	4	Hình học tổ hợp_01 (Toán 21)	Nguyễn Thanh Sơn	17/08/2026-13/09/2026	4						7,8,9,10,11	A2. P303							
				Nguyễn Thanh Sơn	14/09/2026-08/11/2026	8						7,8,9,10,11	A7. P301							



TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
33	ENC341	4	Hóa môi trường_01 (HóaGV 21)	Lưu Tuấn Dương	17/08/2026-13/09/2026	4									1,2,3, 4,5	A2. P203				
				Lưu Tuấn Dương	14/09/2026-18/10/2026	5									1,2,3, 4,5	A7. P201				
				Lưu Tuấn Dương	28/09/2026-08/11/2026	6					7,8,9, 10,11	PTN								
34	MAC331	3	Hóa vật liệu_01 (HóaGV 21)	Nguyễn Thị Hồng Hoa	17/08/2026-13/09/2026	4			1,2,3, 4,5	A3. P504										
				Nguyễn Thị Hồng Hoa	14/09/2026-18/10/2026	5			1,2,3, 4,5	A7. P201										
35	FHT331	3	Hoạch định và tuyển dụng nhân lực_01 (KHQL 21)	Nguyễn Thị Linh	17/08/2026-13/09/2026	4							8,9,10, 11	A2. P104						
				Nguyễn Thị Linh	14/09/2026-27/09/2026	2							8,9,10, 11	A7. P302						
				Bế Hồng Cúc	28/09/2026-08/11/2026	6							8,9,10, 11	A7. P302						
36	CAL331	3	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo môn Ngữ văn_01 (Văn 21)	Lý Thị Quỳnh Anh	17/08/2026-13/09/2026	4			7,8,9, 10,11	A2. P303										
				Lý Thị Quỳnh Anh	14/09/2026-18/10/2026	5			7,8,9, 10,11	A7. P301										
37	EAT431	3	Hoạt động trải nghiệm trong dạy học (Lịch sử - Địa lý - Pháp luật)_01 (sử 21)	Nguyễn Đại Đồng	17/08/2026-08/11/2026	12					7,8	A2. P503								
				Nguyễn Đại Đồng		12							7,8	A2. P503						
38	IFT331	3	Khổ mẫu MARC21_01 (TV 21)	Trịnh Thị Hiền	17/08/2026-27/09/2026	6					1,2,3, 4,5	A3. P203								
				Trịnh Thị Hiền	14/09/2026-25/10/2026	6											7,8,9, 10,11	TTS 01		



TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
39	DJU231	3	Khởi nghiệp_02 (QTDV 21)	Trương Phúc Hưng	17/08/2026-08/11/2026	12											10,11	A2. P402		
				Trương Phúc Hưng		12					10,11	A3. P504								
40	CED331	3	Kinh tế tuần hoàn cho phát triển bền vững_01 (QLTN 21)	Nguyễn Thu Huyền	28/09/2026-08/11/2026	6							7,8,9, 10,11	A7. P303						
				Nguyễn Thu Huyền		6									1,2,3, 4,5	Thực hành 1				
41	CNS321	2	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng_01 (luật 21)	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	12/10/2026-20/12/2026	10					8,9,10,11	A7. P304								
42	NDC331	3	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng_02 (DVPL 21)	Nguyễn Thị Thu Hường	12/10/2026-27/12/2026	11									7,8,9, 10,11	A7. P303				
43	PRS331	3	Kỹ năng dẫn chương trình_01 (BC 21)	Nguyễn Thái Sơn	24/08/2026-15/11/2026	12	9,10,11	PNV												
				Đinh Thị Quỳnh Trang		12					10,11	PNV								
44	TSC236	3	Kỹ năng giảng dạy môn hóa học_01 (HóaGV 21)	Trương Thị Thảo	17/08/2026-08/11/2026	12			9,10,11	A2. P505										
				Nguyễn Thị Ngọc Linh	12/10/2026-08/11/2026	4					1,2,3, 4,5	PTN								
45	DPS241	4	Kỹ năng thảo luận và thuyết trình tiếng Hàn_01 (HQ1 21)	Phạm Thị Tuyết Nhung	17/08/2026-01/11/2026	11	7,8	C1												
				Phạm Thị Tuyết Nhung		11											2,3	C4		
				Phạm Thị Tuyết Nhung		11					7,8,9	C1								



TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
46	DPS241	4	Kỹ năng thảo luận và thuyết trình tiếng Hàn_02 (HQ2 21)	Phạm Thị Tuyết Nhung	17/08/2026-01/11/2026	11			10,11	C2										
				Phạm Thị Tuyết Nhung		11							7,8	C2						
				Phạm Thị Tuyết Nhung		11	9,10,11	C2												
47	DPS241	4	Kỹ năng thảo luận và thuyết trình tiếng Hàn_03 (AH 21)	Phạm Thị Tuyết Nhung	17/08/2026-01/11/2026	11					10,11	C3								
				Phạm Thị Tuyết Nhung		11							1,2,3,4,5	C8						
48	CSP231	3	Kỹ năng thảo luận và thuyết trình tiếng Trung_01 (TQ1 21)	Nguyễn Thị Hải Yến	17/08/2026-08/11/2026	12			9,10,11	C5										
				Nguyễn Thị Hải Yến		12							7,8	C5						
49	CSP231	3	Kỹ năng thảo luận và thuyết trình tiếng Trung_02 (TQ2 21)	Nguyễn Thị Hải Yến	17/08/2026-08/11/2026	12			7,8	C5										
				Nguyễn Thị Hải Yến		12							9,10,11	C6						
50	CSP231	3	Kỹ năng thảo luận và thuyết trình tiếng Trung_03 (TQ3 21)	Ngô Xuân Hương	17/08/2026-08/11/2026	12	9,10,11	C8												
				Ngô Xuân Hương		12					7,8	C8								
51	CSP231	3	Kỹ năng thảo luận và thuyết trình tiếng Trung_04 (TQ4 21)	Ngô Xuân Hương	17/08/2026-08/11/2026	12									9,10,11	C5				
				Ngô Xuân Hương		12	7,8	C6												

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
52	CSP231	3	Kỹ năng thảo luận và thuyết trình tiếng Trung_05 (TQ5 21)	Ngô Xuân Hương	17/08/2026-08/11/2026	12					9,10,11	C10								
				Ngô Xuân Hương		12									7,8	C6				
53	LCS321	2	Kỹ năng tư vấn pháp luật_01 (luật 21)	Nguyễn Thị Thùy Giang	12/10/2026-20/12/2026	10							8,9,10,11	A7. P304						
54	TRN231	3	Kỹ thuật chạy quảng cáo trên mạng xã hội_01 (BC 21)	Phạm Thị Hải Yến	24/08/2026-15/11/2026	12					7,8,9	PNV								
				Phạm Thị Hải Yến		12	7,8	PNV												
55	GJK431	3	Kỹ thuật phân tích kiểm định được phẩm_01 (KTHH 21)	Nguyễn Thị Kim Ngân	17/08/2026-13/09/2026	4									1,2,3,4,5	A2. P102				
				Nguyễn Thị Kim Ngân	14/09/2026-04/10/2026	3									1,2,3,4,5	A7. P203				
				Nguyễn Thị Kim Ngân	05/10/2026-01/11/2026	4					7,8,9,10,11	PTN								
56	EAT441	4	Kỹ thuật phân tích môi trường_01 (KTHH 21)	Phạm Thị Thu Hà	17/08/2026-27/09/2026	6									7,8,9,10,11	A3. P203				
				Phạm Thị Thu Hà	17/08/2026-06/09/2026	3			7,8,9,10,11	A3. P203										
				Phạm Thị Thu Hà	28/09/2026-08/11/2026	6			7,8,9,10,11	PTN										
57	HJM231	3	Lịch sử báo chí - truyền thông_01 (BC 21)	Phạm Anh Nguyên	24/08/2026-15/11/2026	12									9,10,11	PNV				
				Phạm Anh Nguyên		12							7,8	PNV						
58	JFG221	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam_14 (BC 21)	Lý Thị Thu Huyền	24/08/2026-01/11/2026	10									1,2,3	Online				

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
59	PIB331	3	Luật ngân hàng_01 (luật 21)	Nguyễn Thị Thùy Giang	12/10/2026-20/12/2026	10			7,8,9, 10,11	A7. P304										
60	SAD421	2	Lưu trữ thông tin_01 (TV 21)	Lê Thị Quyên	17/08/2026-13/09/2026	4	1,2,3, 4,5	A3. P203												
				Lê Thị Quyên		4					7,8,9, 10,11	TTS 01								
61	HBT321	2	Một số kỹ thuật huyết học truyền máu_01 (CNSH 21)	Nguyễn Thị Yển	28/09/2026-29/11/2026	9												7,8,9, 10,11	Thực hành 1	
62	NFG231	3	Nghệ thuật học_01 (BC 21)	Vũ Thị Hạnh	24/08/2026-15/11/2026	12	4,5	PNV												
				Vũ Thị Hạnh		12			10,11	PNV										
63	EDP231	3	Nghịệp vụ biên tập_01 (BC 21)	Phạm Anh Nguyên	24/08/2026-15/11/2026	12								7,8	PNV					
				Phạm Anh Nguyên		12							9,10,11	PNV						
64	IPE321	2	Nghịệp vụ xuất nhập cảnh và hàng không_01 (QTDV 21 LH)	Đàm Thị Tầm	28/09/2026-08/11/2026	6			7,8,9, 10,11	A7. P401										
65	BLA331	3	Pháp chế doanh nghiệp_01 (DVPL 21)	Tổng Thị Thu Trang	12/10/2026-27/12/2026	11					7,8,9, 10,11	A7. P303								
66	LNA331	3	Pháp luật về công chứng, chứng thực_01 (luật 21)	Trịnh Vương An	12/10/2026-20/12/2026	10								7,8,9, 10,11	A7. P304					
67	CIN231	3	Phiên dịch tiếng Trung_01 (AT 21)	Thẩm Thư Thúy	17/08/2026-08/11/2026	12	7,8	C5												
				Thẩm Thư Thúy		12							10,11	C3						

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
68	ACT231	3	Phiên dịch tiếng Trung nâng cao_01 (TQ1 21)	MG: Quách Thị Nga	17/08/2026-08/11/2026	12					10,11,12	C5								
				MG: Quách Thị Nga	17/08/2026-06/09/2026	3											7,8,9	A2. P401		
69	ACT231	3	Phiên dịch tiếng Trung nâng cao_02 (TQ2 21)	MG: Quách Thị Nga	17/08/2026-08/11/2026	12					7,8,9	C6								
				MG: Quách Thị Nga	17/08/2026-06/09/2026	3											10,11,12	A2. P103		
70	ACT231	3	Phiên dịch tiếng Trung nâng cao_03 (TQ3 21)	Thắm Thư Thúy	17/08/2026-08/11/2026	12			10,11,12	C8										
				Thắm Thư Thúy	17/08/2026-06/09/2026	3											1,2,3	C1		
71	ACT231	3	Phiên dịch tiếng Trung nâng cao_04 (TQ4 21)	Thắm Thư Thúy	17/08/2026-06/09/2026	3											4,5,6	C3		
				Thắm Thư Thúy	17/08/2026-08/11/2026	12	9,10,11	C6												
72	ACT231	3	Phiên dịch tiếng Trung nâng cao_05 (TQ5 21)	Thắm Thư Thúy	17/08/2026-06/09/2026	3											7,8,9	C3		
				Thắm Thư Thúy	17/08/2026-08/11/2026	12							7,8,9	C3						
73	VNH432	3	Phong tục tập quán và lễ hội Việt Nam_01 (DL 21 NĐ)	Trần Thế Dương	17/08/2026-13/09/2026	4	1,2,3,4,5	A2. P505												
				Trần Thế Dương	14/09/2026-18/10/2026	5	1,2,3,4,5	A7. P201												
74	HTM331	3	Phương pháp dạy học Lịch sử_01 (sử 21)	Đỗ Hằng Nga	17/08/2026-08/11/2026	12									3,4,5	C8				
				Đỗ Hằng Nga	19/10/2026-08/11/2026	3											4,5,6	A2. P503		

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
75	CLH441	4	Phương pháp nghiên cứu và biên soạn lịch sử địa phương_01 (sử 21)	Đoàn Thị Yến	17/08/2026-08/11/2026	12							9,10,11	A2. P503						
				Đoàn Thị Yến		12									1,2	C8				
76	KIR231	3	Quan hệ quốc tế Hàn Quốc_01 (HQ1 21)	Nguyễn Thị Huyền Trang	17/08/2026-25/10/2026	10					10,11	C1								
				Nguyễn Thị Huyền Trang		10											7,8,9	C1		
77	KIR231	3	Quan hệ quốc tế Hàn Quốc_02 (HQ2 21)	Nguyễn Thị Huyền Trang	17/08/2026-25/10/2026	10											10,11	C2		
				Nguyễn Thị Huyền Trang		10							9,10,11	C2						
78	WAM331	3	Quản lý chất thải_01 (QLTN 21)	Nguyễn Thu Huyền	17/08/2026-13/09/2026	4							7,8,9,10,11	A3. P104						
				Nguyễn Thu Huyền	17/08/2026-27/09/2026	6											7,8,9,10,11	Thực hành 1		
				Nguyễn Thu Huyền	14/09/2026-27/09/2026	2							7,8,9,10,11	A7. P303						
79	NSM241	4	Quản lý thể dục thể thao dân tộc_01 (TD 21)	MG: Nguyễn Thành Trung	17/08/2026-25/10/2026	10			9,10,11	A3. P503										
				MG: Nguyễn Thành Trung	17/08/2026-08/11/2026	12											7,8,9,10,11	A2. P504		
80	DFJ431	3	Quản trị ẩm thực_01 (DL 21 KS, QTDV 21 KS)	Trần Hoàng Tâm	17/08/2026-06/09/2026	3			7,8,9,10,11	A2. P504										
				Trần Hoàng Tâm		3							1,2,3,4,5	A2. P504						
				Trần Hoàng Tâm		3									1,2,3,4,5	A2. P504				

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
81	HQM331	3	Quản trị chất lượng nhà hàng - khách sạn_01 (DL 21 KS, QTDV 21 KS)	Phạm Thị Hồng Nhung	17/08/2026-06/09/2026	3	1,2,3, 4,5	A2. P504												
				Phạm Thị Hồng Nhung		3					1,2,3, 4,5	A2. P504								
				Phạm Thị Hồng Nhung		3			1,2,3, 4,5	A2. P504										
				Phạm Thị Hồng Nhung	02/11/2026-08/11/2026	1	1,2,3, 4,5	Thực hành 1												
				Phạm Thị Hồng Nhung		1			1,2,3, 4,5	Thực hành 1										
				Phạm Thị Hồng Nhung		1					1,2,3, 4,5	Thực hành 1								
82	ASM231	3	Quản trị dịch vụ bổ sung trong lưu trú_01 (DL 21 KS)	Lê Thị Anh	17/08/2026-06/09/2026	3									7,8,9, 10,11	A2. P504				
				Lê Thị Anh		3					7,8,9, 10,11	A2. P505								
				Lê Thị Anh		3												1,2,3, 4,5	Thực hành 1	
				Lê Thị Anh	02/11/2026-08/11/2026	1					7,8,9, 10,11	Thực hành 1								
				Lê Thị Anh		1									7,8,9, 10,11	Thực hành 1				
				Lê Thị Anh		1												1,2,3, 4,5	Thực hành 1	
83	TBA321	2	Quản trị kinh doanh du lịch_01 (DL 21 ND)	Hoàng Thị Phương Nga	17/08/2026-13/09/2026	4							7,8,9, 10,11	A2. P505						
				Hoàng Thị Phương Nga	14/09/2026-27/09/2026	2							7,8,9, 10,11	Online						

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
84	HMA331	3	Quản trị nhân sự nhà hàng - khách sạn_01 (QTDV 21 KS)	Đỗ Thị Vân Hương	17/08/2026-13/09/2026	4							7,8,9,10,11	A2. P504						
				Đỗ Thị Vân Hương	14/09/2026-18/10/2026	5							7,8,9,10,11	A7. P401						
85	TFM331	3	Quản trị tài chính lữ hành_01 (QTDV 21 LH)	Ngô Thị Huyền Trang	17/08/2026-13/09/2026	4			7,8,9,10,11	A2. P402										
				Ngô Thị Huyền Trang	17/08/2026-27/09/2026	6											1,2,3,4,5	Thực hành 1		
				Ngô Thị Huyền Trang	14/09/2026-27/09/2026	2			7,8,9,10,11	A7. P304										
86	QDF431	3	Quản trị thương hiệu lữ hành_01 (QTDV 21 LH)	Lê Thị Anh	17/08/2026-13/09/2026	4	7,8,9,10,11	A2. P505												
				Lê Thị Anh	14/09/2026-18/10/2026	5	7,8,9,10,11	A7. P401												
87	TTM331	3	Quản trị vận chuyển du lịch_01 (QTDV 21 LH)	Ngô Thị Huyền Trang	17/08/2026-13/09/2026	4									7,8,9,10,11	A2. P402				
				Ngô Thị Huyền Trang	14/09/2026-27/09/2026	2									7,8,9,10,11	A7. P304				
				Ngô Thị Huyền Trang	28/09/2026-08/11/2026	6									7,8,9,10,11	Thực hành 1				
88	TEN231	3	Quản vọt_01 (TD 21)	Nguyễn Đức Toàn	17/08/2026-25/10/2026	10					1,2,3,4	Sân tập 4								
				Nguyễn Đức Toàn		10							1,2,3,4	Sân tập 4						
89	UEH231	3	Sử dụng nhân lực và đánh giá kết quả thực hiện công việc_01 (KHQL 21)	Nguyễn Thị Kim Phương	17/08/2026-13/09/2026	4									7,8,9,10	A2. P403				
				Nguyễn Thị Kim Phương	14/09/2026-08/11/2026	8									7,8,9,10	A7. P302				

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
90	LEP221	2	Tâm lý học pháp lý_01 (DVPL 21)	Lê Văn Cảnh	12/10/2026-20/12/2026	10			7,8,9, 10	A7. P303										
91	TSS331	3	Thiết bị dạy học môn Xã hội ở trường THCS và THPT_01 (TV 21)	Trịnh Thị Hiền	17/08/2026-27/09/2026	6									1,2,3, 4,5	A3. P203				
				Nguyễn Minh Nguyệt	14/09/2026-04/10/2026	3			7,8,9, 10,11	TTS 01										
				Lê Thị Quyên	05/10/2026-25/10/2026	3			7,8,9, 10,11	TTS 01										
92	LLP221	2	Thư mục học_01 (TV 21)	Hà Thị Thu Hiếu	17/08/2026-13/09/2026	4			1,2,3, 4,5	A3. P203										
				Hà Thị Thu Hiếu		4											7,8,9, 10,11	TTS 01		
93	HFT322	2	Thủ tục hành chính_01 (DVPL 21)	Lê Thanh Huyền	12/10/2026-20/12/2026	10	7,8,9, 10	A7. P303												
94	LIT331	3	Thư viện điện tử - Thư viện số_01 (TV 21)	Nguyễn Minh Nguyệt	17/08/2026-18/10/2026	9							1,2,3, 4,5	A3. P203						
95	PAC431	3	Thực tập hóa phân tích_01 (HóaGV 21)	Nguyễn Thị Kim Ngân	17/08/2026-18/10/2026	9	1,2,3, 4,5	PTN												
				Nguyễn Thị Kim Ngân		9							7,8,9, 10,11	PTN						
96	EFS431	3	Tiếng Anh chuyên ngành CTXH_01 (CTXH 21)	Phan Thị Hòa	17/08/2026-18/10/2026	9	7,8,9, 10,11	A3. P104												
97	EEF331	3	Tiếng Anh kinh tế - tài chính_01 (TAUD 21, AH 21)	Phạm Phương Hoa	17/08/2026-08/11/2026	12							9,10	C4						
				Phạm Phương Hoa		12			9,10	C3										

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
98	EEF331	3	Tiếng Anh kinh tế - tài chính_02 (AT 21)	Phạm Phương Hoa	17/08/2026-08/11/2026	12							7,8	C4						
				Phạm Phương Hoa		12			7,8	C4										
99	EID331	3	Tiếng Anh ngoại giao quốc tế_01 (TAUD 21)	Bùi Thị Ngoan	17/08/2026-08/11/2026	12	7,8	C3												
				Bùi Thị Ngoan		12								7,8	C3					
100	EHD331	3	Tiếng Anh nhà hàng - khách sạn_01 (TAUD 21)	Nguyễn Giang An	17/08/2026-08/11/2026	12								9,10,11,12	C3					
101	SKT231	3	Tiếng Hàn chuyên ngành (Du lịch)_01 (HQ1 21)	Nguyễn Thị Linh	17/08/2026-08/11/2026	12			7,8	C1										
				Nguyễn Thị Linh		12								7,8	C1					
102	SKT231	3	Tiếng Hàn chuyên ngành (Du lịch)_02 (HQ2 21)	Nguyễn Thị Linh	17/08/2026-08/11/2026	12								10,11	C2					
				Nguyễn Thị Linh		12					4,5	C9								
103	SPC231	3	Tiếng Hàn chuyên ngành (Văn hóa)_01 (HQ1 21)	Trần Thị Thanh Hương	17/08/2026-08/11/2026	12						7,8	C1							
				Trần Thị Thanh Hương		12								10,11	C1					
104	SPC231	3	Tiếng Hàn chuyên ngành (Văn hóa)_02 (HQ2 21)	Trần Thị Thanh Hương	17/08/2026-08/11/2026	12			7,8	C2										
				Trần Thị Thanh Hương		12										8,9	C5			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
105	ACH231	3	Tiếng Hán cổ đại_01 (TQ1 21)	Lương Thị Thanh Dung	17/08/2026-08/11/2026	12							9,10	C5						
				Lương Thị Thanh Dung		12	10,11	C9												
106	ACH231	3	Tiếng Hán cổ đại_02 (TQ2 21)	Lương Thị Thanh Dung	17/08/2026-08/11/2026	12							7,8	C6						
				Lương Thị Thanh Dung		12									11,12	C6				
107	ACH231	3	Tiếng Hán cổ đại_03 (TQ3 21)	Lương Thị Thanh Dung	17/08/2026-08/11/2026	12							11,12	C5						
				Lương Thị Thanh Dung		12	7,8	C8												
108	ACH231	3	Tiếng Hán cổ đại_04 (TQ4 21)	Lương Thị Thanh Dung	17/08/2026-08/11/2026	12					10,11	C9								
				Lương Thị Thanh Dung		12									7,8	C5				
109	ACH231	3	Tiếng Hán cổ đại_05 (TQ5 21)	Lương Thị Thanh Dung	17/08/2026-08/11/2026	12					7,8	C10								
				Lương Thị Thanh Dung		12									9,10	C6				
110	CHT232	3	Tiếng Trung chuyên ngành du lịch_01 (AT 21)	Nguyễn Văn Tiến	17/08/2026-08/11/2026	12									9,10,11	C4				
				Nguyễn Văn Tiến	17/08/2026-06/09/2026	3											7,8,9	C4		
111	CFE231	3	Tiếng Trung chuyên ngành Kinh tế_01 (TQ1 21)	MG: Vi Thị Hoa	17/08/2026-08/11/2026	12					7,8,9	C5								
				MG: Vi Thị Hoa	17/08/2026-06/09/2026	3											1,2,3	C3		

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
112	CFE231	3	Tiếng Trung chuyên ngành Kinh tế_02 (TQ2 21)	MG: Vi Thị Hoa	17/08/2026-06/09/2026	3											7,8,9	C6		
				MG: Vi Thị Hoa	17/08/2026-08/11/2026	12					4,5,6	C10								
113	CFE231	3	Tiếng Trung chuyên ngành Kinh tế_03 (TQ3 21)	MG: Vi Thị Hoa	17/08/2026-08/11/2026	12					1,2,3	C10								
				MG: Vi Thị Hoa	07/09/2026-27/09/2026	3											1,2,3	C1		
114	CFE231	3	Tiếng Trung chuyên ngành Kinh tế_04 (TQ4 21)	MG: Vi Thị Hoa	17/08/2026-08/11/2026	12			1,2,3	C10										
				MG: Vi Thị Hoa	07/09/2026-27/09/2026	3											4,5,6	C1		
115	CFE231	3	Tiếng Trung chuyên ngành Kinh tế_05 (TQ5 21)	MG: Vi Thị Hoa	17/08/2026-06/09/2026	3											4,5,6	C1		
				MG: Vi Thị Hoa	17/08/2026-08/11/2026	12			4,5,6	C10										
116	AIA341	4	Tiếp cận văn bản thông tin và văn bản nhật dụng_01 (Văn 21)	Nguyễn Thị Trà My	17/08/2026-13/09/2026	4	7,8,9, 10,11	A2. P303												
				Nguyễn Thị Trà My	14/09/2026-08/11/2026	8	7,8,9, 10,11	A7. P301												
117	RBT331	3	Tôn giáo và tín ngưỡng ở Việt Nam_01 (DL 21 NĐ, QTĐV 21 LH, VN 23)	Mai Thị Hồng Vĩnh	17/08/2026-13/09/2026	4							1,2,3, 4,5	A2. P402						
				Mai Thị Hồng Vĩnh	14/09/2026-18/10/2026	5							1,2,3, 4,5	Online						
118	LUI421	2	Tra cứu thông tin trong hoạt động thông tin thư viện_01 (TV 21)	Trịnh Thị Hiền	14/09/2026-11/10/2026	4									7,8,9, 10,11	TTS 01				
				Trịnh Thị Hiền	28/09/2026-25/10/2026	4					1,2,3, 4,5	A3. P203								

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
119	ARI341	4	Trí tuệ nhân tạo_01 (TT 21)	Phạm Ngọc Phương	17/08/2026-08/11/2026	12							7,8,9,10,11	A3. P203						
120	TTP441	4	TT KTXN1: Vi sinh- Ký sinh trùng_01 (CNSH 21)	Đinh Thị Lan	17/08/2026-08/11/2026	12	7,8,9,10,11	PTN												
				Đinh Thị Lan		12			7,8,9,10,11	PTN										
121	TTP424	2	TT KTXN4: Sinh học phân tử_01 (CNSH 21)	Trương A Tài	17/08/2026-08/11/2026	12									7,8,9,10,11	PTN				
122	HCM121	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh_14 (DVPL 21)	Lê Thị Quỳnh Liu	12/10/2026-20/12/2026	10							1,2,3	Online						
123	DJK431	3	Ứng dụng phương pháp sắc ký trong phân tích_01 (KTHH 21)	Nguyễn Thị Thu Thúy	17/08/2026-13/09/2026	4	1,2,3,4,5	A2. P203												
				Nguyễn Thị Thu Thúy	14/09/2026-04/10/2026	3	1,2,3,4,5	A7. P203												
				Nguyễn Thị Thu Thúy	05/10/2026-01/11/2026	4			1,2,3,4,5	PTN										
124	EUL331	3	Văn học Châu Âu_01 (Văn 21)	Bùi Linh Huệ	17/08/2026-13/09/2026	4									7,8,9,10,11	A2. P303				
				Bùi Linh Huệ	14/09/2026-18/10/2026	5									7,8,9,10,11	A7. P301				
125	CHL331	3	Văn học trẻ em_01 (Văn 21)	Nguyễn Diệu Linh	17/08/2026-08/11/2026	12											7,8,9,10	A2. P303		
126	DFS331	3	Văn học Việt Nam đương đại_01 (Văn 21)	Nguyễn Diệu Linh	17/08/2026-08/11/2026	12											2,3,4,5	A2. P303		
127	GES132	3	Xã hội học đại cương_01 (luật 21, VNH 23)	Trần Thị Phương Thảo	12/10/2026-13/12/2026	9											1,2,3,4,5	C1		

VÀ
NG
HỌC
HỌC
NGUYỄN

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
128	BDP232	4	Xây dựng và phát triển dự án khoa học hóa học_01 (HóaGV 21)	Bùi Minh Quý	17/08/2026-13/09/2026	4							1,2,3, 4,5	A2. P303						
				Bùi Minh Quý	14/09/2026-25/10/2026	6							1,2,3, 4,5	A7. P201						
				Bùi Minh Quý	12/10/2026-08/11/2026	4	7,8,9, 10,11	PTN												
129	SPT431	3	Xử lý mẫu_01 (KTHH 21)	Phạm Thị Thu Hà	28/09/2026-08/11/2026	6									7,8,9, 10,11	A3. P203				
				Phạm Thị Thu Hà		6							1,2,3, 4,5	PTN						

Ghi chú:

- Các phòng học lý thuyết được bố trí tại các giảng đường A2, A3, A7. ví dụ: phòng học A2.P102 là phòng học P.102 ở giảng đường A2
- Các lớp Giáo dục thể chất học tại Khu sân tập cạnh Nhà thi đấu đa năng;
- Các lớp thực hành tại phòng máy (PM) học tại tầng 5 khu Nhà Hiệu bộ
- Các lớp thực hành tại phòng thí nghiệm (PTN) học tại Khu Trung tâm TNTH Trường ĐHKH
- Các học phần mời giảng, thực tập thực tế, giờ thực hành (nếu có) sẽ thông báo sau khi thống nhất kế hoạch với các Khoa;

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- Các đơn vị;
- Website;
- Lưu: ĐT.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG ĐÀO TẠO



PGS.TS. Vũ Xuân Hòa